

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2018

"V/v Tranh chấp HNGĐ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Triệu Duy Tỏi** và bà **Nguyễn Thị Lý**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **214/2017/TLST-HNGĐ** ngày **27 tháng 11 năm 2017** về việc "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **10/2018/QĐXX-ST** ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐHPT-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1985.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Khắc T**, sinh năm 1983.

3. *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Khắc M**, sinh năm 1950 và bà **Lê Thị M**, sinh năm 1960.

Đều có HKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt; anh T và hai người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và **anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có** đăng ký kết hôn tại UBND xã **N, huyện T, tỉnh Hải Dương** ngày **01/4/2016**.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T. Chị làm kế toán trong Công ty còn anh T làm tự do. Thông thường đến ngày nghỉ vợ chồng cùng về quê. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ, hòa thuận được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống. Anh T không quan tâm đến gia đình, không hỗ trợ chị từ công việc đến kinh tế đặc biệt trong thời gian chị nghỉ việc, sinh con, chị gặp rất nhiều khó khăn nhưng anh cũng không chia sẻ với chị dẫn đến không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần đến mức hai bên không thể nói chuyện được với nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 7-2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 08/02/2017 hiện ở với anh T. Theo chị, chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng khi cháu còn rất nhỏ là do, khi chị quyết định về nhà đẻ ở, chị mang theo cháu D vì lúc đó cháu đang ăn sữa mẹ nhưng anh T và gia đình anh không đồng ý, hai bên căng thẳng nên chị buộc phải để con lại cho anh T nuôi, hai bên đã ký kết văn bản thỏa thuận để chờ phán quyết của Tòa án khi giải quyết ly hôn, Tòa án giao con cho bên nào nuôi thì hai bên phải chấp hành. Trường hợp Tòa án chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Khắc M và bà Lê Thị M thống nhất trình bày: Anh Nguyễn Khắc T có HKTT tại thôn La Ngoại, xã Ngũ Hùng (chung hộ khẩu với ông, bà), hiện nay anh T đang lao động tự do tại khu vực thành phố Hải Dương; cứ một vài ngày anh T lại về nhà một lần để thăm con; Sau khi ông, bà nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án + giấy triệu tập anh T và các giấy tờ, tài liệu khác của Tòa án, ông bà giao trực tiếp cho anh T, anh T đã biết nội dung các tài liệu đó. Do đặc thù công việc của anh T rất bận, chỉ tranh thủ ngày nghỉ, ngày lễ hoặc buổi tối anh T mới được về qua nhà nên mặc dù nhận được giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án nhưng anh T không thể đến Tòa án làm việc được. Ông, bà biết quan điểm của anh T: Nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung: Nếu chị H xin nuôi con, anh T nhất trí; Trường hợp chị H không xin nuôi con thì anh T xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T đi làm, thu nhập tương đối ổn định; về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông, bà xác định trong thời gian ngắn chị H về làm dâu, chủ yếu vợ chồng làm mỗi người ở một nơi, những ngày nghỉ hoặc thời gian không có việc thì mới về quê. Ông, bà cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị là gì; ông, bà chỉ biết chị H đã có ý định ly hôn anh T từ lâu. Từ khi con chung của anh T được 6 tháng tuổi thì anh, chị sống ly thân; anh T trực tiếp nuôi con, thời gian anh T bận công việc ông, bà hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc cháu D; anh T có trách nhiệm lo liệu vấn đề kinh tế để nuôi con. Việc giao con cho ai nuôi do Tòa án và anh T, chị H quyết định. Trường hợp Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, ông- bà sẵn sàng tiếp tục hỗ trợ anh T để chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; nguyên đơn chị H nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của BLTTDS; bị đơn anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Khắc T.

Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Nhật D, sinh ngày 08/02/2017. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 650.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành các biện pháp cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Khắc T thông qua người thân thích của anh là ông Nguyễn Khắc M và bà Lê Thị M; ông M và bà M cam kết và đã thực hiện việc giao tận tay các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T. Anh T không đến trụ sở Toà án làm việc, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên hoà giải, phiên họp và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do; ông M và bà M vắng mặt tại phiên toà nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229 BLTTDS.

{2}- Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/4/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Toà án thu thập chứng cứ thì lời khai của chị H xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không có khả năng đoàn tụ.

Lời khai của những người làm chứng và các đoàn thể, chính quyền địa phương đều xác định không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì, tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân từ lâu là thực. Những người thân thích của anh T trình bày với Toà án quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Do anh T không trình bày quan điểm trực tiếp với Toà án, không tham gia hoà giải mà anh có thái độ bỏ mặc thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy trên cơ sở đề nghị của chị H, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ HĐXX xét thấy có đủ cơ sở xác định: Mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quan hệ con chung: Chị H, anh T có một con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 08/02/2017. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Hiện cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị H được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị H có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức và phương thức cấp dưỡng do HĐXX quyết định. Chị H nộp cho Tòa án thu nhập tháng 10/2017 của chị là 6.629.000 đồng. Về phía anh T, thông qua lời khai của những người thân thích của anh thì anh có tham gia lao động, có thu nhập. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 650.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc giao con và quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung như trên là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: **Chị H, anh T không yêu cầu** nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: **Chị H** khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên anh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự (về cấp dưỡng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Khắc T.

2- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Nhật D, sinh ngày 08/02/2017. Anh Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 650.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004034 ngày 27/11/2017. Anh Nguyễn Khắc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự (về cấp dưỡng).

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Khắc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Nguyễn Thị Quyên